TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2023
V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU - TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Đào;

2. Ông Trần Thạch Cương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngọc Bích Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuân Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp L, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Thân Thiện Quyết T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị E, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp A, xã B, Huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Thân Thị Thành L, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TA, xã Truông Mít, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Số A, ấp 1, tổ B, xã P, huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Đặng Thị P trình bày:

Chị và Anh Thân Thiện Quyết T chung sống với nhau năm 2014; năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 314/2022/QĐST-HNGD ngày 25-11-2022 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; theo đó: Chị nuôi con chung Thân Thiện Trọng H, sinh ngày 10-4-2019; anh T nuôi con chung Thân Thị Thanh T1, sinh ngày 16-9-2016; không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống chị và anh T có tài sản chung gồm:

- Nhà cấp 4 diện tích 4 m x 23,6 m + phần gác lửng 4 m x 9,6 m.

- Mái che diện tích 76,4 m^2.

- Nhà vệ sinh phía sau diện tích 7,04 m^2.

- Mái che phía sau diện tích 20,4 m^2.

- 02 trụ bồn nước.

- 01 bồn nước inox, loại bồn ngang hiệu Toàn Mỹ, dung tích 1.500 lít.

- 01 kệ để ti vi.

- 01 két sắt.

- 01 Tủ lạnh hiệu Panasonic.

- 01 máy giặt hiệu Toshiba 6,5 kg.

- 01 tủ quần áo bằng nhôm kính.

- 01 tủ chén bằng nhôm kính.

- 01 bàn gỗ tràm vàng và 08 ghế gỗ tràm vàng.

- 01 tủ thờ gỗ tràm vàng.

- 01 bàn gỗ sồi và 06 ghế gỗ sồi.

- 01 bếp ga hiệu Rinnai, loại 02 miệng lò.

- 01 tivi 32 inches, hiệu Asanzo.

Các tài sản trên gắn liền với phần đất diện tích 257,9 m^2, thửa số 223, tờ bản đồ số 63; tọa lạc tại ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Đối với quyền sử dụng đất nêu trên và mái che ở phía trước giáp đường, diện tích 20 m^2; là tài sản riêng của anh T; chị không tranh chấp.

Tài sản chung hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Chị đồng ý giao tài sản chung cho anh T và yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản.

Chị và anh T không có nợ chung.

Anh Thân Thiện Quyết T trình bày:

Thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị P trình bày là đúng. Quá trình chung sống do chị P có quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác nên vợ chồng ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 314/2022/QĐST-HNGD ngày 25-11-2022 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; theo đó: Anh nuôi con chung Thân Thị Thanh T1, sinh ngày 16-9-2016; chị P nuôi con chung Thân Thiện Trọng H, sinh ngày 10-4-2019; không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xác định tài sản chung của vợ chồng, bao gồm:

- Nhà cấp 4 diện tích 4 m x 23,6 m + phần gác lửng 4 m x 9,6 m.

- Mái che 76,4 m^2.

- Nhà vệ sinh phía sau diện tích 7,04 m^2.

- Mái che phía sau diện tích 20,4 m^2.

- 02 trụ bồn nước.

- 01 bồn nước inox, loại bồn ngang hiệu Toàn Mỹ, dung tích 1.500 lít.

- 01 két sắt.

- 01 máy giặt hiệu Toshiba 6,5 kg.

- 01 tủ quần áo bằng nhôm kính.

- 01 tủ chén bằng nhôm kính.

- 01 tủ thờ gỗ tràm vàng.

- 01 bàn gỗ sối và 06 ghế gỗ sồi.

Tài sản mà vợ chồng được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, bao gồm:

- **C**ha mẹ chị P tặng cho 01 kệ để ti vi.

- Chị Thân Thị Thanh H1 tặng cho 01 tủ lạnh hiệu Panasonic.

- Chị Thân Thị Anh Đ 01 bàn gỗ tràm vàng và 08 ghế gỗ tràm vàng

- Chị Thân Thị Thu T2 tặng cho 01 bếp ga hiệu Rinnai, loại 02 miệng lò.

- Chị Thân Thị Thành L tặng cho 01 tivi 32 inches, hiệu Asanzo.

Anh có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P như sau:

- Đối với tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý chia mà để lại cho con, vì anh không có điều kiện để giao lại tiền chệch lệch cho chị P

- Đối với tài sản mà vợ chồng được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân thì anh sẽ trả lại cho cha mẹ của chị P; trả lại cho gia đình anh gồm: Chị Thân Thị Thanh H1; Chị Thân Thị Anh Đ; Chị Thân Thị Thu T2; Chị Thân Thị Thành L.

Anh và chị P nợ chung: Bà Võ Thị E số tiền 100.000.000 đồng, Chị Thân Thị Thành L số tiền 60.000.000 đồng; anh yêu cầu chị P chịu trách nhiệm trả cho bà Em số tiền 50.000.000 đồng, trả cho chị L số tiền 30.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2023 (bút lục số 164), Biên bản hòa giải ngày 17-4-2023 (từ bút lục số 167 đến số 171) Bà Võ Thị E trình bày:

Bà là mẹ ruột của Anh Thân Thiện Quyết T. Khoảng tháng 11 năm 2021 (ngày không nhớ chính xác), bà cho vợ chồng anh T, chị P vay số tiền 100.000.000 đồng, để chi phí xây nhà. Khi đó anh T, chị P trực tiếp đến nhà bà, chị P trực tiếp kiểm đếm tiền; do là mẹ con tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Khi vay tiền không có thời hạn trả, không tính lãi; khi anh T, chị P xảy ra mâu thuẫn và ly hôn thì bà cũng không yêu cầu trả lại tiền.

Chị P và anh T vay của bà số tiền 100.000.000 đồng thì bà không khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2023 (bút lục số 161), Biên bản hòa giải ngày 17-4-2023 (từ bút lục số 167 đến số 171) Chị Thân Thị Thành L trình bày:

Chị là chị ruột của Anh Thân Thiện Quyết T**.** Khoảng tháng 8 năm 2021 (ngày không nhớ chính xác) chị cho vợ chồng của anh T, chị P vay số tiền 60.000.000 đồng, để chi phí xây nhà. Khi đó chị trực tiếp đưa số tiền 60.000.000 đồng cho chị P kiểm đếm; do là chị em tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Khi vay tiền không có thời hạn trả, không tính lãi; khi anh T, chị P xảy ra mâu thuẫn và ly hôn thì chị cũng không yêu cầu trả lại tiền.

Chị P và anh T vay của chị số tiền 60.000.000 đồng thì chị không khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Các đương sự thống nhất:

Chứng thư thẩm định thẩm định giá số 23060/CT-TCVALUE ngày 22-3-2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TCVALUE thể hiện:

Tài sản gắn liền với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 63; tọa lạc tại ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, bao gồm:

- Nhà cấp 4 diện tích 4 m x 23,6 m + phần gác lửng diện tích 4 m x 9,6 m; kết cấu: Móng bê tông cốt thép + gạch, cột bê tông cốt thép + gạch; nền gạch men, tường xây tô bên ngoài, bên trong chưa tô, không có la phông, cửa sắt kính, mái tole, có nhà vệ sinh bên trong; xây dựng năm 2021; tổng diện tích 132,8 m^2; chất lượng còn lại 90%; trị giá 403.738.560 đồng.

- Mái che diện tích 76,4 m^2, kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, khung sắt tiền chế, mái tole, xây dựng năm 2021, chất lượng còn lại 90%; trị giá 34.242.480 đồng.

- Nhà vệ sinh phía sau diện tích 7,04 m^2, kết cấu: Nền gạch men, tường xây tô, sơn P, dán gạch men bên trong, bên ngoài chưa tô, cửa sắt, mái tole, xây dựng năm 2021, chất lượng còn lại 90%; trị giá 26.928.000 đồng.

- Mái che phía sau diện tích 20,4 m^2; kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, nền gạch men, mái tole, xây dựng năm 2021, chất lượng còn lại 90%; trị giá 9.143.280 đồng.

- 02 trụ bồn nước, thể tích 6,24 m^3; kết cấu: Bê tông cốt thép, xây dựng năm 2021, chất lượng còn lại 90%; trị giá 39.480.480 đồng.

- 01 bồn nước inox, loại bồn ngang hiệu Toàn Mỹ, dung tích 1.500 lít, mua năm 2021, chất lượng còn lại 90%; trị giá 6.705.000 đồng.

- 01 kệ để ti vi, kích thước: Dài 1,85 m x rộng 0,45 m x cao 0,75 m, bằng nhôm kiếng, chất lượng còn lại 80%; trị giá 1.040.000 đồng.

- 01 két sắt, kích thước: Rộng 0,6 m x dài 0,45 m x cao 0,75 m, chất lượng còn lại 80%; trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, model: NR-BJ185SNVN, chất lượng còn lại 50%; trị giá 2.200.000 đồng.

- 01 máy giặt hiệu Toshiba 6,5 kg, model: AW-F84SV, cửa trên, chất lượng còn lại 50%; trị giá 900.000 đồng.

- 01 tủ quần áo bằng nhôm kính, kích thước: Dài 2 m x rộng 0,5 m x cao 1,9 m, chất lượng còn lại 80%; trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 tủ chén bằng nhôm kính, kích thước: Dài 1,5 m x rộng 0,5 m x cao 1,6 m, chất lượng còn lại 80%; trị giá 2.080.000 đồng.

- 01 bàn gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,9 m x rộng 0,9 m x cao 0,75 m, mặt bàn dày 2 cm và 08 ghế gỗ tràm vàng, kích thước: Chiều cao ngồi 0,4 m x chiều cao tựa lưng 1,15 m x rộng 0,4 m; chất lượng còn lại 80%; trị giá 6.800.000 đồng.

- 01 tủ thờ gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,3 m x rộng 0,45 m x cao 1,5 m; chất lượng còn lại 80%; trị giá 5.200.000 đồng.

- 01 bếp ga hiệu Rinnai, loại 02 miệng lò; chất lượng còn lại 80%; trị giá 1.528.000 đồng.

- 01 tivi 32 inches, hiệu Asanzo; chất lượng còn lại 50%; trị giá 1.750.000 đồng.

- 01 bàn gỗ sồi, kích thước: Dài 1,6 m x rộng 0,8 m x cao 0,75 m, có mặt kính ở trên và 06 ghế gỗ sồi, kích thước: Chiều cao ngồi 0,45 m x chiều cao tựa lưng 1,0 m x rộng 0,4 m; chất lượng còn lại 80%; trị giá 4.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 551.735.800 đồng.

Riêng đối với quyền sử dụng đất diện tích 257,9 m^2, thửa số 223, tờ bản đồ số 63 và tài sản gắn liền là mái che phía trước giáp đường diện tích 20 m^2, kết cấu: Cột trụ đúc sẵn + sắt, nền gạch vỉa hè, mái tole cũ đã qua sử dụng; tọa lạc tại ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; là tài sản riêng của anh T; các đương sự không tranh chấp.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh*:**

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của Chị Đặng Thị P đối với Anh Thân Thiện Quyết T, xem xét chia cho anh T hưởng nhiều hơn so với chị P; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ; tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Chia tài sản sau khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khởi kiện yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ tài sản của nguyên đơn, bị đơn; do đó, khi có yêu cầu của Bà Võ Thị E, của Chị Thân Thị Thành L sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.2.1] Chị P và anh T chung sống với nhau năm 2014, ngày 06-5-2015 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh; đến ngày 25-11-2022 ly hôn theo Quyết định Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 314/2022/QĐST-HNGD của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; do đó, khoảng thời gian trên được gọi là thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 13 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Từ lời trình bày xác nhận của các đương sự, căn cứ vào khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; có cơ sở xác định tài sản chung của chị P, anh T bao gồm:

- Nhà cấp 4 diện tích 4 m x 23,6 m + phần gác lửng diện tích 4 m x 9,6 m; kết cấu: Móng bê tông cốt thép + gạch, cột bê tông cốt thép + gạch; nền gạch men, tường xây tô bên ngoài, bên trong chưa tô, không có la phông, cửa sắt

kính, mái tole, có nhà vệ sinh bên trong; tổng diện tích 132,8 m^2; trị giá 403.738.560 đồng.

- Mái che diện tích 76,4 m^2, kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, khung sắt tiền chế, mái tole; trị giá 34.242.480 đồng.

- Nhà vệ sinh phía sau diện tích 7,04 m^2, kết cấu: Nền gạch men, tường xây tô, sơn P, dán gạch men bên trong, bên ngoài chưa tô, cửa sắt, mái tole; trị giá 26.928.000 đồng.

- Mái che phía sau diện tích 20,4 m^2; kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, nền gạch men, mái tole; trị giá 9.143.280 đồng.

- 02 trụ bồn nước, thể tích 6,24 m^3; kết cấu: Bê tông cốt thép; trị giá 39.480.480 đồng.

- 01 bồn nước inox, loại bồn ngang hiệu Toàn Mỹ, dung tích 1.500 lít; trị giá 6.705.000 đồng.

- 01 kệ để ti vi, kích thước: Dài 1,85 m x rộng 0,45 m x cao 0,75 m, bằng nhôm kiếng; trị giá 1.040.000 đồng.

- 01 két sắt, kích thước: Rộng 0,6 m x dài 0,45 m x cao 0,75 m; trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, model: NR-BJ185SNVN; trị giá 2.200.000 đồng.

- 01 máy giặt hiệu Toshiba 6,5 kg, model: AW-F84SV, cửa trên; trị giá 900.000 đồng.

- 01 tủ quần áo bằng nhôm kính, kích thước: Dài 2 m x rộng 0,5 m x cao 1,9 m; trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 tủ chén bằng nhôm kính, kích thước: Dài 1,5 m x rộng 0,5 m x cao 1,6 m; trị giá 2.080.000 đồng.

- 01 bàn gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,9 m x rộng 0,9 m x cao 0,75 m, mặt bàn dày 2 cm và 08 ghế gỗ tràm vàng, kích thước: Chiều cao ngồi 0,4 m x chiều cao tựa lưng 1,15 m x rộng 0,4 m; trị giá 6.800.000 đồng.

- 01 tủ thờ gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,3 m x rộng 0,45 m x cao 1,5 m; trị giá 5.200.000 đồng.

- 01 bếp ga hiệu Rinnai, loại 02 miệng lò; trị giá 1.528.000 đồng.

- 01 Tivi 32 inches, hiệu Asanzo; trị giá 1.750.000 đồng.

- 01 bàn gỗ sồi, kích thước: Dài 1,6 m x rộng 0,8 m x cao 0,75 m, có mặt kính ở trên và 06 ghế gỗ sồi, kích thước: Chiều cao ngồi 0,45 m x chiều cao tựa lưng 1,0 m x rộng 0,4 m; trị giá 4.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 551.735.800 đồng.

[2.2.2] Khi chị P và anh T ly hôn, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, giữa chị P và anh T không có văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản. Do đó, tài sản chung của anh chị được áp dụng chế độ tài sản theo luật định tại Điều

28 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung là ngang nhau; anh T đang quản lý, sử dụng tài sản chung gắn liền với tài sản riêng của mình; trong khi chị P cũng phải nuôi con nhỏ, chưa có nơi ở ổn định phải ở tạm cùng cha mẹ; nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao tài sản chung cho anh T quản lý, sử dụng và anh T có trách nhiệm giao lại ½ giá trị tài sản chêch lệch cho chị P là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, như vậy, anh T có trách nhiệm giao lại cho chị P số tiền chênh lệch tài sản là 275.867.900 đồng.

[3] Các chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị P đã nộp số tiền 18.000.000 đồng và chi phí xong nên anh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị P số tiền 9.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 275.867.900 đồng X 5% = 13.793.395 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 157, 165, 166, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của Chị Đặng Thị P đối với Anh Thân Thiện Quyết T.

1.1. Anh Thân Thiện Quyết T được quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Nhà cấp 4 diện tích 4 m x 23,6 m + phần gác lửng diện tích 4 m x 9,6 m; kết cấu: Móng bê tông cốt thép + gạch, cột bê tông cốt thép + gạch; nền gạch men, tường xây tô bên ngoài, bên trong chưa tô, không có la phông, cửa sắt kính, mái tole, có nhà vệ sinh bên trong.

- Mái che diện tích 76,4 m^2, kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, khung sắt tiền chế, mái tole.

- Nhà vệ sinh phía sau diện tích 7,04 m^2, kết cấu: Nền gạch men, tường xây tô, sơn P, dán gạch men bên trong, bên ngoài chưa tô, cửa sắt, mái tole.

- Mái che phía sau diện tích 20,4 m^2; kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, nên gạch men, mái tole.

- 02 trụ bồn nước, thể tích 6,24 m^3; kết cấu: Bê tông cốt thép.

- 01 bồn nước inox, loại bồn ngang hiệu Toàn Mỹ, dung tích 1.500 lít.

- 01 kệ để ti vi, kích thước: Dài 1,85 m x rộng 0,45 m x cao 0,75 m, bằng nhôm kiếng.

- 01 két sắt, kích thước: Rộng 0,6 m x dài 0,45 m x cao 0,75 m.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, model: NR-BJ185SNVN.

- 01 máy giặt hiệu Toshiba 6,5 kg, model: AW-F84SV, cửa trên.

- 01 tủ quần áo bằng nhôm kính, kích thước: Dài 2 m x rộng 0,5 m x cao 1,9 m.

- 01 tủ chén bằng nhôm kính, kích thước: Dài 1,5 m x rộng 0,5 m x cao 1,6 m.

- 01 bàn gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,9 m x rộng 0,9 m x cao 0,75 m, mặt bàn dày 2 cm và 08 ghế gỗ tràm vàng, kích thước: Chiều cao ngồi 0,4 m x chiều cao tựa lưng 1,15 m x rộng 0,4 m.

- 01 tủ thờ gỗ tràm vàng, kích thước: Dài 1,3 m x rộng 0,45 m x cao 1,5 m.

- 01 bếp ga hiệu Rinnai, loại 02 miệng lò.

- 01 Tivi 32 inches, hiệu Asanzo.

- 01 bàn gỗ sồi, kích thước: Dài 1,6 m x rộng 0,8 m x cao 0,75 m, có mặt kính ở trên và 06 ghế gỗ sồi, kích thước: Chiều cao ngồi 0,45 m x chiều cao tựa lưng 1,0 m x rộng 0,4 m.

Căn nhà, tài sản và công trình khác ở trên gắn liền với tài sản riêng của Anh Thân Thiện Quyết T là phần đất diện tích diện tích 257,9 m^2, thửa số 223, tờ bản đồ số 63; tọa lạc tại ấp TA, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Anh Thân Thiện Quyết T có trách nhiệm giao lại cho Chị Đặng Thị P số tiền chênh lệch tài sản là 275.867.900 (hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm) đồng.

2. Chi phí tố tụng khác:

2.1. Ghi nhận Chị Đặng Thị P đã nộp số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng và chi phí xong.

2.2. Anh Thân Thiện Quyết T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chị Đặng Thị P số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Chị Đặng Thị P phải chịu 13.793.395 (mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn ba trăm chín mươi lăm) đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.750.000 (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tại Biên lai thu số 0012878 ngày 12 tháng 12 năm 2022; chị P còn phải nộp số tiền 3.043.395 (ba triệu không trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi lăm) đồng.

4.2. Anh Thân Thiện Quyết T phải chịu 13.793.395 (mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn ba trăm chín mươi lăm) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thanh Tòng